TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15 /2020/HNGĐ – ST
Ngày: 26/5/2020
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Lành**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà **Lê Ngọc Trầm;**

2- Ông **Bùi Dân An**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Lâm Thuý Vi** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 874/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Cẩm T**, sinh năm 1976. Địa chỉ: số 43/7B, ấp A, xã B, thị xã H, tỉnh Tây Ninh - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn:Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1971. Địa chỉ: số 43/7B, ấp A, xã B, thị xã H, tỉnh Tây Ninh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 12 năm 2019, quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn - Bà Phạm Thị Cẩm T trình bày:

Bà T và ông D chung sống vợ chồng từ năm 1995, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do ông D không chung thuỷ, có quan hệ tình cảm với người khác, cách đây một năm ông D có nộp đơn ly hôn, nhưng bà T nghĩ chồng bà chỉ nhất thời mà có tình cảm với người phụ khác rồi cũng sẽ quay về với con. Tuy nhiên bà đã nhiều lần gọi điện thoại thuyết phục ông D quay về gia đình để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng ông D không

đồng ý. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục sống chung vợ chồng, nên bà vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với ông D.

Về con chung: có 02 con chung tên: Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1995; Nguyễn Văn G, sinh ngày: 22/7/2002. Con chung Nguyễn Thị Ngọc H đã thành niên nên bà T không yêu cầu Toà án giải quyết. Riêng con chung tên Nguyễn Văn G bà T có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, bà Phạm Thị Cẩm T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Cẩm T cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông D là phù hợp. Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Văn G, sinh ngày: 22/7/2002 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con; riêng con chung Nguyễn Thị Ngọc H đã thành niên không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tính án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn ông Nguyễn Văn D có nơi cư trú tại ấp A, xã B, thị xã H, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phạm Thị Cẩm T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Tòa án xét xử vắng mặt theo Điều 227, Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng quy định.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Bà T và ông D chung sống vợ chồng đã được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã H, tỉnh Tây Ninh cấp giấy Chứng nhận đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên bà T trình bày vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do ông D không chung thuỷ, quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài, không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng sống ly thân đến nay hai năm, ông D bỏ mặc vợ con tự tìm việc làm kiếm tiền sinh sống, đến nay vợ chồng không tự hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông D vắng mặt không lý do, điều này thể hiện ông D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân của ông D. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Quá trình thu thập chứng cứ bà T có yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Văn G, đồng thời em Giàu có nguyện vọng tha thiết được sống chung với bà T. Xét thấy nguyện vọng của bà T và em G là phù hợp, nên cần giao con chung tên Nguyễn Văn G cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Ông D được quyền thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

Riêng đối với con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H đã thành niên nên không đặt ra giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Cẩm T đối với ông Nguyễn Văn D. Bà Phạm Thị Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên: Nguyễn Văn G, sinh ngày: 22/7/2002. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Ông D được quyền thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

Riêng con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H đã thành niên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008271, ngày 10.12.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận bà T đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hay được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND tỉnh Tây Ninh
- VKSND TX Hoà Thành.
- THADS TX Hoà Thành.
- Các đương sự;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Thị Kim Lành